

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T. T.
THÀNH PHỐ H.**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

T.T., ngày 27 tháng 5 năm 2022

Số: 29/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên Đơn**: Ngân hàng Thương Mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L., phường H., quận Đ., TP N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A. – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý.

- Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A. – Chuyên viên xử lý nợ
(có mặt).

* **Bì đơn**: Anh Nguyễn Văn T., sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị T., sinh năm 1992.

Đều Trú tại: xóm 3, xã V., huyện T., thành phố H..

(có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn L., sinh năm 1973

- Bà Nguyễn Thị P., sinh năm 1971

- Anh Nguyễn Văn Đ., sinh năm 2003

- Chị Nguyễn Thị P., sinh năm 2003

Đều trú tại: Xóm 3, xã V., huyện T., thành phố H.

(có mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn T. và chị Nguyễn Thị T. phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V. tổng số tiền theo theo Hợp đồng tín dụng số: LN1812051110126 ký ngày 06/12/2018 tạm tính đến ngày 18/5/2022 là: 905.613.263 đồng (Chín trăm linh năm triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm sáu ba đồng), trong đó nợ gốc 549.950.000 đồng; Nợ lãi: 309.980.305 đồng; Phạt chậm trả lãi: 45.682.958 đồng.

Kể từ ngày 19/5/2022, anh Nguyễn Văn T. và chị Nguyễn Thị T. phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN1812051110126 ký ngày 06/12/2018 và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn T. và chị Nguyễn Thị T. không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số LN1812051110126 ký ngày 06/12/2018 thì Ngân hàng TMCP V. có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê

biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 28 (1) và 28 (1P), tờ bản đồ số 03; diện tích sử dụng 143,5m² (sử dụng riêng) và 39,5m² (sử dụng chung) tại xã V., huyện T., thành phố H., theo Giấy CNQSDĐ số CO 907567, sổ vào sổ cấp GCN: CS-TTI 08652 do sở Tài nguyên và Môi trường hành phố H. cấp ngày 19/11/2018 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn T. và chị Nguyễn Thị T. đối với Ngân hàng TMCP V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì, anh Nguyễn Văn T. và chị Nguyễn Thị T. vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thi hành quyết định này khi có xử lý tài sản thế chấp.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T. và chị Nguyễn Thị T. chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.584.198 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi tư nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP V. số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0022825 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T., thành phố H.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H.;
- VKSND huyện T.T.;
- Chi cục THADS huyện T.T.;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đoàn Lan H.